

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2017/HS-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vũ Thị Kim Dung

- Đỗ Thị Ngọc Hoan

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thao – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố V.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Vũ
Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh
Vĩnh Phúc, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2017/HSST ngày
13/9/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2017/QĐXX ngày 18
tháng 9 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. **Lê Thị Thu H**, sinh ngày 12/11/1982. Nơi đăng ký HKTT: tổ dân phố
ĐH1, phường ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Chỗ ở hiện nay: số nhà 11, ngõ
61, đường K2, phường CD, quận NTL, thành phố Hà Nội; dân tộc: Kinh; tôn
giáo: Không; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán; bố đẻ: Lê Huy Đ;
mẹ đẻ: Nguyễn Thị S; chồng: Đặng Quang T (đã ly hôn); con: Có 01 con, sinh
năm 2007. Tiền sự, Tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại thực hiện Lệnh cấm đi khỏi
nơi cư trú của cơ quan CSĐT Công an thành phố V (có mặt)

2. **Đặng Quang T**, sinh ngày 15/5/1980; nơi cư trú: tổ dân phố ĐH1, phường
ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá:
12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; bố đẻ: Đặng T D; mẹ đẻ: Vũ Thị M; vợ: Lê Thị
Thu H (đã ly hôn); con: Có 01 con, sinh năm 2007; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo
tại ngoại thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của cơ quan CSĐT Công an thành
phố V, (có mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Chi cục thuế thành phố V. Đại diện theo pháp luật là
ông Nguyễn Tr – Chi cục trưởng. Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đại Th, Phó
chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố V (có mặt).

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH VLXDVP. Địa chỉ: Số 26, đường LTT, phường NQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần quốc T – Giám đốc công ty (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Công ty TNHH QV. Địa chỉ: Thôn CX, xã CĐ, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện theo pháp luật ông Đặng Quốc Hg – Giám đốc công ty (vắng mặt).
- Công ty TNHH TP. Địa chỉ: Số 104, đường LTK, phường ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Đại diện theo pháp luật ông Phùng Hồng L – Giám đốc công ty (vắng mặt).
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Nhất T. Địa chỉ: Số 16, phố TT, phường LDH, quận HBTg, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật ông Phạm Ngô Hn – Giám đốc công ty (vắng mặt).
- Công ty Cổ phần VLVP. Địa chỉ: Thị trấn HC, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Đại diện theo pháp luật ông Đường Mạnh K – Giám đốc Công ty (vắng mặt).
- Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng BA. Địa chỉ: Số 215 đường ML, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Đại diện theo pháp luật ông Chu Minh Qu – Giám đốc công ty (vắng mặt).
- Công ty TNHH Vận tải và thương mại tổng hợp TD. Địa chỉ: Phố LL, đường NT, quận HĐg, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Minh Đg – Giám đốc công ty (vắng mặt).
- Ông Đỗ Duy Hn, sinh năm: 1963, trú tại: KS, xã HL, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Thị Thu H và Đặng Quang T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Nky (gọi tắt là công ty Nky) có trụ sở tại: Số nhà 88A, tổ dân phố ĐH1, phường ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500385496 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2009, người đại diện theo pháp luật của công ty là Lê Thị Thu H - giám đốc. Ngày 11/4/2012, công ty Nky đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1, người đại diện theo pháp luật được chuyển cho Đặng Quang T (là chồng của H). Công ty kê khai thuế và nộp thuế tại Chi cục thuế thành phố V theo phương pháp khấu trừ. Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ kế toán và tư vấn đào tạo thực hành kế toán; xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; san lấp mặt bằng công trình; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa; vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô; cho thuê xe các loại (ngắn hạn); mua bán đồ gỗ, hàng nông, lâm sản nguyên liệu ...

Ngày 19/5/2011, công ty Nky có mua hóa đơn GTGT loại 3, mẫu số 01GTKT3/001 của Chi cục thuế thành phố V, ký hiệu 25AA/11P, quyển số 1469,

số hóa đơn từ số 73.401 đến 73.450. Ngày 20/10/2011, công ty Nky có thông báo phát hành hóa đơn đặt in, tên loại hóa đơn phát hành là: Hóa đơn GTGT, mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu NS/11P, số liệu 500 hóa đơn, từ số 0000001 đến 0000500, ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn 20/10/2011, đặt in tại Công ty cổ phần in PY. Kế toán của công ty Nky từ tháng 4/2011 là Lê Thị Thu H.

Cũng từ năm 2010, Lê Thị Thu H làm kế toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn VLXDVP (gọi tắt là công ty xây dựng Vĩnh Phúc), địa chỉ: Số 26, đường LTT, phường NQ, thành phố V, người đại diện theo pháp luật là anh Trần Quốc T - Giám đốc công ty. Ngành nghề kinh doanh: Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô, xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng ... Do tin tưởng H nên anh Trần Quốc T đã giao toàn bộ hồ sơ, sổ sách, hóa đơn, chứng từ của công ty cho H quản lý, kê khai. Do vậy, khi H trình các hóa đơn, chứng từ thì anh Trần Quốc T đều ký mà không đọc nội dung.

Quá trình hoạt động kinh doanh năm 2012, Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Nky có ký kết hợp đồng kinh tế với nhiều công ty khác nhau. Sau khi thực hiện xong các hợp đồng kinh tế, công ty Newsky đều xuất hóa đơn cho các công ty này và được các công ty thanh toán tiền qua hệ thống ngân hàng, cụ thể:

1. Năm 2012, công ty Nky có ký hợp đồng kinh tế với công ty TNHH QV (sau đây gọi tắt là công ty QV) địa chỉ: thôn CX, xã CD, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc, giám đốc công ty là anh Đặng Quốc Hg về việc mua bán gạch chỉ đặc. Theo hợp đồng, công ty Nky bán cho công ty QV 110.000 viên gạch chỉ đặc, đơn giá là 1.304đ/viên bao gồm cả cước vận chuyển đến công trình. Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT là: 157.784.000đ. Để thực hiện hợp đồng kinh tế này, Đặng Quang T đã đi mua gom gạch từ một số hộ dân ở xã TT, thành phố V (không nhớ tên tuổi, địa chỉ từng người) rồi bán cho công ty QV, do vậy không có hóa đơn đầu vào của số gạch này. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, ngày 06/7/2012 công ty Newsky đã xuất cho công ty QV hóa đơn số 0000040, trong đó số tiền hàng là 143.440.000đ, tiền thuế GTGT là 14.344.000đ, tổng giá trị là 157.784.000đ. Ngày 15/10/2012, công ty QV đã thanh toán tiền hàng cho công ty Nky bằng hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng TMCP Ct Việt Nam – Chi nhánh BX.

2. Ngày 16/5/2012, công ty Nky có ký hợp đồng kinh tế số 06/2012 bán và vận chuyển đá bay (đá 2x4) với Công ty TNHH TP, địa chỉ: số 104, đường LTK, phường ĐT, thành phố V, giám đốc công ty là anh Phùng Hồng L, sinh năm 1969, trú tại: đường LTK, phường ĐT, thành phố V. Số lượng đá là 2.560m³, đơn giá là 245.454đ/m³. Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT là: 691.198.464đ. Để thực hiện được hợp đồng kinh tế trên, Đặng Quang T đã liên hệ với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Nhất T (gọi tắt là công ty Nhất T) để mua đá bay bán cho công ty TP kiếm lời. Ngày 18/05/2012, công ty Nky đã ký

hợp đồng kinh tế số 12 với công ty Nhất T do anh Phạm Ngô Hn làm Giám đốc mua 2.500m³, giá 238.500đ/m³. Ngày 26/7/2012, giữa công ty Nky và công ty Nhất T lập biên bản thanh lý hợp đồng, giá trị thanh lý hợp đồng là 2.000m³, tổng tiền là 477.000.000đ, thuế VAT là 47.700.000đ. Tuy nhiên, công ty Nhất T không xuất hóa đơn GTGT cho công ty Nky nên không có hóa đơn đầu vào của số hàng nêu trên. Sau khi mua đá của công ty Nhất T, công ty Nky đã chuyển đá cho công ty TP 03 lần, thành tiền là 539.998.800đ. Sau lần nghiệm thu khối lượng cuối cùng, ngày 28/7/2012 công ty Nky đã xuất hóa đơn GTGT liên 02 số 000041 cho công ty TP, trong đó: Tổng giá trị hàng hóa là 490.908.000đ, tiền thuế GTGT là 49.090.800đ, tổng giá trị hóa đơn là 539.998.800đ. Ngày 16/5/2012, công ty TP đã thanh toán tiền cho công ty Nky qua Ngân hàng TMCP Ct Việt Nam – Chi nhánh BX.

3. Ngày 28/4/2012, công ty Nky có ký hợp đồng kinh tế số 42 vận chuyển đất phục vụ thi công công trình với Công ty cổ phần VLVP (công ty xây dựng số 9 Vĩnh Phúc), do anh Đường Mạnh K, sinh năm 1976, địa chỉ ở thị trấn HC, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc là Giám đốc, đơn giá 24.000đ/m³. Để thực hiện hợp đồng kinh tế trên, Đặng Quang T đã liên hệ với Công ty TNHH Vận tải và thương mại tổng hợp TD (công ty TD) do anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1984, địa chỉ: Phố LL, đường NT, quận HĐ, thành phố Hà Nội rồi hợp đồng với Công ty này chở đất cho Công ty xây dựng số 9 thay công ty Nky để hưởng chênh lệch. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, công ty TD không xuất hóa đơn cho công ty Nky. Ngày 31/7/2012, công ty Nky đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000042, liên 2 cho công ty xây dựng số 9 Vĩnh Phúc, nội dung thanh toán cước vận chuyển 50.003m³ đất. Tổng giá trị hàng hóa là 1.200.072.000đ, thuế GTGT là 120.007.200đ. Tổng giá trị hóa đơn là 1.320.079.000đ. Sau đó, công ty xây dựng số 9 Vĩnh Phúc đã thanh toán tiền theo hóa đơn trên cho công ty Nky qua ngân hàng TMCP Ct Việt Nam – Chi nhánh BX.

Đến kỳ kê khai thuế tháng 7/2012, Đặng Quang T và Lê Thị Thu H thấy việc đi mua gom gạch không có hóa đơn đầu vào và công ty TD, công ty Nhất T không xuất hóa đơn cho công ty Nky nên thiếu hụt đầu vào. Sau khi cân đối thuế đầu vào và đầu ra cho Công ty, thấy có sự chênh lệch thuế giữa đầu xuất ra nhiều hơn so với đầu vào - Giá trị hàng hóa đầu ra là 1.834.420.000đ (chưa bao gồm thuế), còn giá trị hàng hóa đầu vào có hóa đơn khoảng 2.000.000đ. Để trốn số tiền thuế phải nộp cho công ty Nky, cùng thời điểm này, H đang tiến hành kê khai thuế cho công ty xây dựng Vĩnh Phúc thì thấy phần cân đối đầu vào tính thuế của công ty xây dựng Vĩnh Phúc có sự chênh lệch đầu vào nhiều hơn đầu ra (thừa thuế). Lợi dụng việc anh Trần Quốc T thường xuyên đi công tác xa, giao cho H quản lý tập hóa đơn và chữ ký dấu để tại Công ty, H nói với Đặng Quang T việc thừa thuế của công ty xây dựng Vĩnh Phúc, sau đó H nảy sinh ý định và bàn bạc với T về việc lấy hóa đơn của công ty xây dựng Vĩnh Phúc ghi khống hàng hóa

đầu vào để trốn số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Sau khi bàn bạc, T và H thống nhất H sẽ lấy 01 hóa đơn GTGT của công ty VLXDVP chưa ghi nội dung đem về cho Đặng Quang T ghi nội dung hàng hóa để kê khai thuế, còn việc cân đối hàng hóa đầu vào và đầu ra của công ty VLXDVP thì H sẽ hợp thức (có thể kê trùng hóa đơn). Để hợp thức hóa đơn không hàng hóa đầu vào này, H và T sẽ nộp tiền vào tài khoản của công ty Nky rồi chuyển vào tài khoản của công ty VLXDVP sau đó sẽ dùng séc của công ty VLXDVP có chữ ký sẵn của anh Trần Quốc T để rút tiền.

Cuối tháng 7/2012, H đem tờ hóa đơn GTGT liên 2 số: 0000060, ký hiệu XD/11P; mẫu số: 01GTKT chưa ghi nội dung, chưa có chữ ký của người bán hàng và đóng dấu của công ty VLXDVP về công ty Nky, sau đó H đọc cho Đặng Quang T ghi nội dung trên hóa đơn GTGT 0000060 đề ngày 30/7/2012, tên đơn vị mua hàng: Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Nky, mã số thuế 2500385496, địa chỉ: LB, V, Vĩnh Phúc; hình thức thanh toán: Chuyển khoản; tên hàng hóa, dịch vụ: Hàng hóa theo hợp đồng kinh tế đã ký; thành tiền: 1.807.500.000đ; tiền thuế GTGT: 180.750.000đ. Tổng cộng tiền thanh toán: 1.988.250.000đ. Sau đó Đặng Quang T đem hóa đơn này đến công ty xây dựng Vĩnh Phúc đóng chữ ký dấu của ông Trần Quốc T – Giám đốc Công ty và con dấu của Công ty lên tờ hóa đơn, rồi T và H sử dụng tờ hóa đơn này để kê khai thuế cho kỳ tính thuế tháng 07/2012. công ty Nky đã trốn số thuế GTGT là 180.750.000đ.

Sau khi ghi không hóa đơn bán hàng cho công ty Nky, H cân đối thuế tháng 07/2012 cho công ty xây dựng Vĩnh Phúc thấy thiếu đầu vào, H có nói với T là sẽ kê khai trùng hóa đơn GTGT đầu vào (kê khai lần 2) của công ty xây dựng Vĩnh Phúc là hóa đơn số 0003161 ngày 08/5/2012 của Công ty TNHH MP bán hàng hóa cho công ty xây dựng Vĩnh Phúc (hóa đơn này đã kê khai thuế kỳ tháng 5/2012).

4. Ngày 15/8/2012, công ty Nky có ký hợp đồng kinh tế số 47 vận chuyển đất phục vụ thi công công trình với công ty xây dựng số 9 VP, đơn giá 100.000đ/m³. Để thực hiện hợp đồng kinh tế trên, Đặng Quang T đã liên hệ với công ty TD, rồi ký hợp đồng với công ty này chở đất cho công ty xây dựng số 9 thay công ty Nky để hưởng chênh lệch. Sau khi thực hiện xong Hợp đồng, công ty TD không xuất hóa đơn cho công ty Nky. Ngày 28/10/2012, công ty Nky đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000046, liên 2 cho công ty xây dựng số 9 VP, nội dung thanh toán cước vận chuyển 3118m³ đất. Tổng giá trị hàng hóa là 311.800.000đ, thuế GTGT là 31.180.000đ. Tổng giá trị hóa đơn là 342.980.000đ. Sau đó, công ty xây dựng số 9 VP đã thanh toán tiền theo hóa đơn trên cho công ty Newsky qua ngân hàng TMCP Ct Việt Nam – Chi nhánh BX.

5. Ngày 05/4/2012 công ty Nky có ký hợp đồng kinh tế số 68 với Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng BA (gọi tắt là công ty BA) - địa chỉ: số 215, đường ML, phường LB, thành phố V do anh Chu Minh Qu, sinh năm 1979 là Giám đốc,

nội dung hợp đồng là công ty BA thuê công ty Nky vận chuyển đất từ mỏ đất xã HN, huyện TN, tỉnh Phú Thọ đến công trình gia cố thân đê và cứng hóa mặt đê ở địa bàn tỉnh Phú Thọ. Để thực hiện hợp đồng kinh tế trên, ngày 22/6/2012, công ty Nky ký hợp đồng với công ty TD nêu trên, chở đất cho Công ty xây dựng BA (thay công ty Nky) để hưởng chênh lệch. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, công ty TD không xuất hóa đơn cho công ty Nky. Ngày 25/10/2012, công ty Nky đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000044, liên 2 cho công ty BA, nội dung thanh toán cước vận chuyển 5752m³ đất. Tổng giá trị hàng hóa là 690.240.000đ, thuế GTGT là 69.240.000đ. Tổng giá trị hóa đơn là 759.264.000đ. Ngày 27/11/2012, công ty BA đã thanh toán tiền theo hóa đơn trên cho công ty Nky qua ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Vĩnh Phúc – Phòng giao dịch V.

Đến kỳ kê khai thuế tháng 10/2012, Đặng Quang T và Lê Thị Thu H thấy do công ty TD không xuất hóa đơn bán hàng hóa cho công ty Nky nên thiếu hụt đầu vào. Sau khi cân đối thuế đầu vào và đầu ra cho công ty, thấy giá trị hàng hóa đầu ra là 1.002.040.000đ (chưa bao gồm thuế), còn giá trị hàng hóa đầu vào khoảng hơn 2.000.000đ, để trốn số tiền thuế phải nộp cho công ty Nky, T và H nảy sinh ý định lấy hóa đơn của công ty xây dựng VP ghi khống nội dung hàng hóa mua vào rồi hợp thức như kỳ thuế tháng 7/2012 để trốn số tiền thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Trong kỳ kê khai thuế tháng 10/2012, lợi dụng việc anh Trần Quốc T hay đi công tác, đã ký sẵn một số tờ hóa đơn GTGT liên 2 để H ghi hàng hóa bán ra cho các khách hàng đã có quan hệ mua bán với công ty xây dựng VP. H đã đem tờ hóa đơn GTGT liên 2 số: 0000083 đã được anh Trần Quốc T ký và đóng dấu sẵn, chưa ghi nội dung đem về công ty Nky cho Đặng Quang T ghi nội dung lên hóa đơn này. H đọc cho T viết hóa đơn: Ngày 30/10/2012, tên đơn vị mua hàng: Công ty CPĐT và tư vấn Nky, mã số thuế 2500385496, địa chỉ: LB, V, Vĩnh Phúc; hình thức thanh toán: Chuyển khoản; tên hàng hóa, dịch vụ: Hàng hóa theo bảng kê đính kèm; thành tiền: 910.000.000đ; tiền thuế GTGT: 91.000.000đ. Tổng cộng tiền thanh toán: 1.001.000.000đ rồi T và H sử dụng tờ hóa đơn này để kê khai thuế cho kỳ tính thuế tháng 10/2012. công ty Nky đã trốn số tiền thuế GTGT là 91.000.000đ.

Sau khi ghi khống hóa đơn bán hàng cho công ty Nky, H cân đối thuế tháng 11/2012 cho công ty xây dựng VP thấy thiếu đầu vào, H có nói với T là sẽ kê khai trùng hóa đơn GTGT đầu vào (kê khai lần 2) của công ty xây dựng VP là hóa đơn số 0004261 ngày 24/10/2012 của Công ty TNHH MP bán hàng hóa cho công ty xây dựng VP (hóa đơn này đã kê khai thuế kỳ tháng 10/2012).

Để hợp thức 02 hóa đơn khống 0000060 và 0000083, ngày 24/7/2012 Đặng Quang T đã nộp số tiền 570.000.000đ; ngày 04/12/2012 Lê Thị Thu H nộp số tiền 835.000.000đ; ngày 08/12/2012 H nộp số tiền 800.000.000đ và ngày 21/12/2012, Đặng Quang T nộp số tiền 800.000.000đ vào tài khoản của công ty Nky, ngay sau

đó H đã dùng ủy nhiệm chi của công ty để chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản của công ty xây dựng VP đồng thời H đưa cho T tờ séc của công ty xây dựng VP chưa ghi nội dung nhưng đã có chữ ký của anh Trần Quốc T - Giám đốc để T ghi nội dung vào tờ séc. Sau đó, T đã đến ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh VP rút toàn bộ số tiền đã chuyển cho công ty xây dựng VP nêu trên. Tổng số tiền 04 lần Đặng Quang T và Lê Thị Thu H chuyển tiền vào tài khoản của công ty xây dựng VP rồi rút ra là 3.005.000.000đ (số tiền này quá trình điều tra T và H đều khai nhận là đi vay dịch vụ của một số cá nhân sau khi thực hiện chuyển khoản thì trả lại ngay, do thời gian đã lâu nên T và H không nhớ rõ là vay của những cá nhân nào).

Các kỳ kê khai thuế H kê khai rồi chuyển cho anh Trần Quốc T ký, do tin tưởng H nên anh T không kiểm tra do vậy không phát hiện thấy việc H xuất 02 hóa đơn GTGT liên 2: 0000060 và 0000083 cho công ty Nky và việc H kê trùng 02 hóa đơn mua hàng của công ty MP để làm tờ khai thuế tháng 7 và tháng 10/2012 nhằm hợp thức 02 hóa đơn GTGT trên.

Năm 2013, Chi Cục thuế thành phố V tiến hành kiểm tra tại công ty xây dựng VP, phát hiện việc vi phạm trong việc kê trùng hóa đơn khi kê khai thuế, đã xử phạt hành chính và truy thu tiền thuế đối với công ty xây dựng VP với số tiền là 224.712.355đ. Sau đó, anh Trần Quốc T kiểm tra phát hiện việc H và Đặng Quang T tự ký lấy 02 hóa đơn GTGT của công ty xây dựng VP để ghi khống hàng hóa bán ra cho công ty Nky để trốn thuế gây thiệt hại cho công ty xây dựng VP 224.712.355đ. Do vậy, ngày 16/6/2016 anh T đã có đơn trình báo đến Công an thành phố V về hành vi sử dụng 02 hóa đơn giá trị gia tăng khống của công ty xây dựng VP để làm hóa đơn đầu vào cho công ty Nky.

Ngày 20/10/2016, Đặng Quang T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra Công an thành phố V và Cơ quan điều tra Công an thành phố V thu thập, tạm giữ những tài liệu, vật chứng sau:

- 01 hóa đơn GTGT liên 01 số 0000060 (ký hiệu A1) và 01 hóa đơn GTGT liên 02 số 0000060 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu XD/11P đề ngày 30/7/2012. (ký hiệu A2). Trên 02 tờ hóa đơn thể hiện đơn vị bán hàng là Công ty TNHH VLXDVP, đơn vị mua hàng là Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Nky. Hàng hóa thể hiện trên hóa đơn là ghi theo hợp đồng kinh tế. Số tiền hàng chưa thuế là: 1.807.500.000đ, tiền thuế GTGT 10% là: 180.750.000đ, tổng cộng giá trị hóa đơn là: 1.988.250.000đ. Hình thức thanh toán là thông qua chuyển khoản. Dưới phần bán hàng có chữ ký và đóng dấu đỏ xác nhận của Giám đốc công ty TNHH VLXDVP là anh Trần Quốc T.

- 01 hóa đơn GTGT liên 01 số 0000083 (ký hiệu A3) và 01 hóa đơn GTGT liên 02 số 0000083 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu XD/11P đề ngày 30/10/2012 (ký hiệu A4). Trên 02 tờ hóa đơn thể hiện đơn vị bán hàng là Công ty TNHH

VLXDVP, đơn vị mua hàng là Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Nky. Hàng hóa thể hiện trên hóa đơn là ghi theo bảng kê đính kèm. Số tiền hàng chưa thuế là: 910.000.000đ, tiền thuế GTGT 10% là: 91.000.000đ, tổng cộng giá trị hóa đơn là: 1.001.000.000đ. Hình thức thanh toán là thông qua chuyển khoản. Dưới phần bán hàng có chữ ký và đóng dấu đỏ xác nhận của Giám đốc Công ty TNHH VLXDVP là anh Trần Quốc T.

- 01 tờ kê khai thuế GTGT kỳ tính thuế tháng 07/2012 của công ty TNHH VLXDVP, đề ngày 15/8/2012 (ký hiệu A5).

- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ tính thuế tháng 7/2012 của Công ty TNHH VLXDVP, đề ngày 15/8/2012 gồm 03 tờ (ký hiệu A6).

- Bảng kê hóa đơn chứng từ, hàng hóa dịch vụ mua vào trong kỳ tính thuế tháng 7/2012 của Công ty TNHH VLXDVP, đề ngày 15/8/2012 gồm 02 tờ (ký hiệu A7).

- 01 tờ kê khai thuế GTGT kỳ tính thuế tháng 10/2012 của Công ty TNHH VLXDVP, đề ngày 20/11/2012 (ký hiệu A8).

- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ tính thuế tháng 10/2012 của Công ty TNHH VLXDVP, đề ngày 20/11/2012 gồm 02 tờ (ký hiệu A9).

- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ tính thuế tháng 10/2012 của Công ty TNHH VLXDVP, đề ngày 20/11/2012 gồm 02 tờ (ký hiệu A10).

- Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn Quý 2 năm 2012 của Công ty TNHH VLXDVP, đề ngày 19/7/2012 (ký hiệu A11).

- Biên bản lấy mẫu chữ ký của Trần Quốc T, đề ngày 25/11/2016 (ký hiệu M1).

- Biên bản lấy mẫu chữ viết của Đặng Quang T, đề ngày 25/11/2016 (ký hiệu M2).

- Bản tường trình của Đặng Quang T, đề ngày 08/11/2016 (ký hiệu M3) (BL 73 – 248, 259, 260)

Tại kết luận giám định số 1102/ KLGD ngày 07/12/2016 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký trên mẫu ký hiệu A4 và mẫu ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra. Chữ ký trên các mẫu A1, A2, A3, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11 so với chữ ký trên mẫu kí hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra. Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A3 so với chữ viết trên các tài liệu so sánh ký hiệu M2, M3 là do cùng một người viết ra.

Qua kết quả giám định chữ ký, chữ viết xác định: “Chữ ký trên liên 2 hóa đơn GTGT số 0000083 là chữ ký của ông Trần Quốc T; chữ ký trên liên 1, liên 2 hóa đơn GTGT số 0000060 và trên liên 1 hóa đơn GTGT số 0000083 không phải

chữ ký trực tiếp, là chữ ký dấu của ông Trần Quốc T; chữ viết trên liên 1 hóa đơn GTGT số 0000060 và liên 1 hóa đơn GTGT 0000083 đều là chữ viết của Đặng Quang T”.

Tại Bản giám định tài chính số 01/GĐTP ngày 18/05/2017 của Giám định tài chính – UBND tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

“1. Hóa đơn GTGT số 0000060 và 0000083, Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Newsky đã sử dụng kê khai làm hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào là hóa đơn bất hợp pháp.

Hành vi này được quy định tại:

- Điều 3 khoản 4 Chương I Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ “Hóa đơn hợp pháp là hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định tại Nghị định này”;

- Điều 14 khoản 2 chương III Nghị định 51/2010/NĐ – CP ngày 14/5/2010 của chính phủ quy định về sử dụng hóa đơn: “Tổ chức, cá nhân kinh doanh khi lập hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung và đúng thực tế nghiệp vụ phát sinh”.

- Điều 3 khoản 9 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ: “Sử dụng hóa đơn bất hợp pháp là việc lập không hóa đơn; cho hoặc bán hóa đơn chưa lập để tổ chức, cá nhân khác lập khi bán hàng hóa, dịch vụ; cho hoặc bán hóa đơn đã lập để tổ chức, cá nhân khác hạch toán, khai thuế hoặc thanh toán vốn ngân sách; lập hóa đơn không ghi đầy đủ các nội dung; lập hóa đơn sai lệch nội dung giữa các liên dùng hóa đơn của hàng hóa, dịch vụ này để chứng minh cho hàng hóa, dịch vụ khác; dùng hóa đơn quay vòng khi vận chuyển hàng hóa trong khâu lưu thông”.

2. Hành vi của Đặng Quang T – Giám đốc, Lê Thị Thu H – kế toán Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Nky tự ý lấy hóa đơn của Công ty cổ phần VLXDVP, viết không thông tin lên 02 hóa đơn GTGT 0000060 và 0000083 để hợp thức cho hàng hóa, dịch vụ mua vào là hành vi trốn thuế.

- Tổng số tiền là 271.750.000đ gồm: Thuế GTGT 271.750.000đ; thuế TNDN chưa đủ căn cứ để kết luận. Số tiền thuế phải truy thu là 271.750.000đ.

3. Căn cứ quy định của Luật Thuế và những văn bản pháp luật về thuế hiện hành đối với hành vi sai phạm của Đặng Quang T – Giám đốc, Lê Thị Thu H – kế toán Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Nky tại:

- Khoản 1 điều 1 Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT – BTP – BCA – TANDTC – VKSNDTC ngày 26/6/2013 hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính – kế toán và chứng khoán: “Người phạm tội trốn thuế là người thực hiện một trong các hành vi được quy định tại điều 108 Luật quản lý thuế, đồng thời thỏa mãn các dấu hiệu được quy định tại điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Khoản 4 điều 108 Luật quản lý thuế: “Sử dụng hóa đơn, chứng từ bất hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn”.

Về tình trạng hoạt động của công ty Cổ phần đầu tư và tư vấn Nky, quá trình điều tra xác định: Công ty thành lập ngày 21/12/2009 do Lê Thị Thu H làm Giám đốc; ngày 11/4/2012, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 1 theo đó Đặng Quang T là Giám đốc công ty, các cổ đông sáng lập gồm: Lê Thị Thu H và Nguyễn Trọng Th, sinh năm 1982 ở đường THT, phường ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; ngày 24/7/2012, thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2, theo đó Đặng Quang T làm Giám đốc, các cổ đông sáng lập gồm: Lê Thị Thu H và Đỗ Duy Hn, sinh năm 1963 ở xã HL, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc; ngày 21/9/2012, thay đổi đăng ký kinh doanh lần 3, theo đó Đặng Quang T làm Giám đốc, các cổ đông sáng lập gồm: Lê Thị Thu H và Đặng TK, sinh năm 1982 ở xã HC, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc. công ty Nky hoạt động cho đến ngày 30/12/2014 có thông báo bỏ địa chỉ kinh doanh, công ty đóng mã số thuế ở trạng thái 03, tuy nhiên chưa làm thủ tục giải thể doanh nghiệp.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Quốc T – Giám đốc công ty TNHH VLXDVP yêu cầu Lê Thị Thu H và Đặng Quang T phải bồi thường số tiền 200.000.000đ là tiền công ty VLXDVP bị Chi cục thuế thành phố V xử phạt vi phạm hành chính do hành vi sai phạm của Lê Thị Thu H và Đặng Quang T gây ra. Quá trình điều tra, T và H đã bồi thường cho Công ty VLXDVP được 80.000.000đ. Quá trình điều tra, ông T yêu cầu Đặng Quang T và Lê Thị Thu H phải bồi thường cho công ty ông số tiền còn thiếu là 120.000.000đ, T và H nhất trí bồi thường xong do điều kiện kinh tế hiện nay khó khăn nên chưa bồi thường được.

Tại Cáo trạng số: 105/KSĐT - KT ngày 12 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Lê Thị Thu H và Đặng Quang T về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Thu H và Đặng Quang T khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Thị Thu H và Đặng Quang T nhất trí bồi hoàn cho công ty Nky số tiền trốn thuế để nộp bồi thường cho ngân sách Nhà nước và không có ý kiến gì và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Nguyên đơn dân sự - đại diện theo ủy quyền là ông: Nguyễn Đại Th, Phó chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố V trình bày và đề nghị: Số tiền các bị cáo trốn thuế đã được kết luận giám định tài chính xác định 271.750.000đ, các bị cáo phải bồi thường để nộp ngân sách Nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH VLXDVP, đại diện là anh Trần Quốc T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị: Anh giữ nguyên các lời khai trong quá trình điều tra, riêng đối với khoản tiền 120.000.000đ Công ty TNHH VLXDVP yêu cầu trong quá trình điều tra nay công ty không yêu cầu các bị cáo T, H phải bồi thường nữa. Các bị cáo đồng ý và không có ý kiến gì.

Anh Đỗ Duy Hn trình bày và đề nghị: Anh quen biết với vợ chồng bị cáo T, H khoảng năm 2012, sau đó anh có đưa chứng minh nhân dân cho T, H để thành lập công ty làm muối, nhưng sau đó không làm nữa. Anh không biết mình có tên trong Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Nky; anh không đóng góp tiền vào công ty; không tham gia hoạt động gì trong công ty cũng như không nhận được bất kỳ quyền lợi gì từ công ty.

Các bị cáo T, H thừa nhận lời khai của anh Hn là đúng và khẳng định các thành viên khác có tên trong đăng ký kinh doanh của công ty như anh Th, anh K đó là những người chỉ có tên trên danh nghĩa chứ không tham gia đóng góp vốn cũng như không tham gia bất kỳ hoạt động nào của Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Nky.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 161; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự 1999, xử phạt bị cáo H từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo. Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2003; các điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Truy thu số tiền trốn thuế là 271.750.000đ của Công ty Cổ phần đầu tư và tư vấn Nky để nộp vào ngân sách nhà nước. Buộc Đặng Quang T và Lê Thị Thu H phải liên đới bồi hoàn số tiền 271.750.000đ cho công ty Nky do hành vi phạm tội của T và H gây ra.

Bị cáo H, T không bào chữa và tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không tranh luận gì thêm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của bị cáo Lê Thị Thu H, Đặng Quang T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của Chi cục thuế V và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm

tội và hậu quả do tội phạm gây ra; phù hợp với vật chứng, với kết luận giám định tài chính và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Trong kỳ kê khai thuế tháng 7/2012 và tháng 10/2012 của Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Nky do Đặng Quang T làm Giám đốc và Lê Thị Thu H là kế toán, khi thấy mất cân đối giá trị hàng hóa mua vào – bán ra, để trốn nộp thuế vào ngân sách nhà nước nên Lê Thị Thu H (lúc này đồng thời cũng là kế toán cho Công ty TNHH VLXDVP) đã bàn bạc với T lấy 02 tờ hóa đơn GTGT của công ty xây dựng Vĩnh Phúc để ghi khống hàng hóa mua vào cho công ty Nky. Sau khi thống nhất, H đã tự ý mang quyển hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu: XD/11P từ số 0000051 đến số 0000100 của công ty xây dựng Vĩnh Phúc về nhà và đọc nội dung để T viết khống thông tin lên tờ hóa đơn GTGT số 0000060 với tổng số tiền thanh toán là 1.988.250.000đ (trong đó: Tiền hàng hóa là 1.807.500.000đ, tiền thuế GTGT là: 180.750.000đ) và viết khống lên tờ hóa đơn GTGT số 0000083 với tổng số tiền thanh toán là 1.001.000.000đ (trong đó: Tiền hàng là 910.000.000đ; tiền thuế GTGT: 91.000.000đ). Sau đó, T và H đã sử dụng 02 hóa đơn GTGT nêu trên để kê khai khống hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ kê khai tính thuế tháng 7/2012, tháng 10/2012 và đã trốn tiền thuế GTGT là 271.750.000đ.

Hành vi lập khống 02 hóa đơn đầu vào để được khấu trừ số thuế GTGT phải nộp là 271.750.000đ của Lê Thị Thu H và Đặng Quang T đã phạm vào tội “Trốn thuế”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào trốn thuế với số tiền từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng ... thì bị phạt tiền từ một đến năm lần số tiền trốn thuế hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm".

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm đến các quan hệ xã hội bảo đảm cho sự ổn định và phát triển kinh tế quốc dân. Hành vi trốn thuế của các bị cáo gây thiệt hại cho Nhà nước, làm suy giảm đến ngân sách Nhà nước. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử không chỉ nhằm giáo dục riêng cho bị cáo mà còn mang tính giáo dục phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Viện, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo nhận thức được trốn thuế là suy giảm ngân sách Nhà nước nhưng vì động cơ vụ lợi nên bị cáo đã thực hiện hành vi tội phạm. Trong vụ án này, Lê Thị Thu H là người có vai trò chủ mưu, khởi xướng việc sử dụng 02 hóa đơn GTGT của công ty xây dựng Vĩnh Phúc để làm hóa đơn đầu vào cho công ty Nky còn Đặng Quang T là người trực tiếp thực hiện tham gia tích cực vào việc lập khống 02 hóa đơn GTGT để trốn thuế. Tuy nhiên, các bị cáo lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với ông Trần Quốc T – Giám đốc công ty TNHH VLXDVP do tin tưởng Lê Thị Thu H – kế toán của công ty nên không sát sao kiểm tra, giám sát, buông lỏng quản lý dẫn đến việc H và Đặng Quang T đã sử dụng 02 số hóa đơn số 0000060 và 0000083 của công ty xây dựng Vĩnh Phúc làm hóa đơn đầu vào cho công ty Nky để trốn thuế GTGT với số tiền 271.750.000đ, ông T không liên quan đến hành vi phạm tội của Đặng Quang T và Lê Thị Thu H, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với ông Phạm Ngô H – Giám đốc công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Nhất T, ông Nguyễn Minh Đ – Giám đốc công ty TNHH Vận tải và thương mại tổng hợp TD, quá trình điều tra xác định hai công ty trên có việc bán hàng hóa cho công ty Nky nhưng không xuất hóa đơn cho công ty Nky. Tuy nhiên hiện nay 02 doanh nghiệp trên đã bỏ địa chỉ kinh doanh, đóng mã số thuế, xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của Nguyễn Minh Đ và Phạm Ngô Hn đều không có mặt ở địa phương, không xác định được đi đâu, làm gì và chưa lấy được lời khai của hai đối tượng trên. Do vậy, chưa đủ căn cứ để xác định công ty TD và công ty Nhất T có hành vi trốn thuế hay không nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố V tách ra điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với ông Đặng Quốc Hg – Giám đốc công ty TNHH QV, ông Phùng Hồng L – Giám đốc công ty cổ phần VLVP và ông Chu Minh Q – Giám đốc công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng BA là những người đại diện của các doanh nghiệp được công ty Nky bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Quá trình điều tra xác định việc mua bán hàng hóa giữa các doanh nghiệp trên với công ty Nky là có thật. Do vậy, không có căn cứ để xem xét xử lý đối với những người nêu trên.

Đối với những tài liệu, giấy tờ do Đặng Quang T tự nguyện giao nộp và cơ quan điều tra Công an thành phố V thu thập, quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với ông Nguyễn Trọng Th, ông Đỗ Duy Hn và ông Đặng T K là các cổ đông sáng lập của công ty Nky, quá trình điều tra xác định: Những người nêu trên cho T và H mượn CMND, tuy nhiên không biết T và H mượn CMND để sử dụng vào mục đích gì; những người này không đóng góp cổ phần cho công ty; mọi hoạt động kinh doanh của công ty Nky do T và H điều hành, quản lý còn ông Th, ông Hn và ông K không tham gia vào bất cứ hoạt động nào của công ty, không hưởng hay chịu bất cứ lợi ích gì từ hoạt động của công ty Nky. Do vậy, cơ quan CSĐT Công an thành phố V không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

Số tiền Công ty Cổ phần đầu tư và tư vấn Nky trốn thuế là 271.750.000đ cần truy thu số tiền để nộp vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên toàn bộ số tiền này

là do bị cáo T, H cùng thực hiện hành vi phạm tội mà có và sử dụng toàn bộ do vậy cần buộc Đặng Quang T và Lê Thị Thu H phải liên đới bồi hoàn số tiền 271.750.000đ cho Công ty Cổ phần đầu tư và tư vấn Nky để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Ông Trần Quốc T – Giám đốc công ty TNHH VLXDVP yêu cầu Lê Thị Thu H và Đặng Quang T phải bồi thường cho công ty TNHH VLXDVP số tiền 200.000.000đ - là tiền công ty VLXDVP bị Chi cục thuế thành phố V thu thuế và xử phạt vi phạm hành chính do hành vi sai phạm của Lê Thị Thu H và Đặng Quang T gây ra. Quá trình điều tra, T và H đã bồi thường cho công ty VLXDVP được 80.000.000đ. Tại cơ quan điều tra, ông Trần Quốc T yêu cầu Đặng Quang T và Lê Thị Thu H phải bồi thường cho công ty TNHH VLXDVP số tiền còn thiếu là 120.000.000đ, T và H nhất trí bồi thường. Tuy nhiên trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần Quốc T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản tiền còn thiếu nữa. Việc không yêu cầu của ông Trần Quốc T là tự nguyện nên Hội đồng không xem xét để buộc các bị cáo phải bồi thường cho công ty TNHH VLXDVP.

Hiện Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Nky không còn hoạt động, công ty đóng mã số thuế ở trạng thái 03; các bị cáo không có tài sản, không còn thu nhập; số tiền trốn thuế và nợ thuế hiện vẫn chưa thực hiện do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Thu H và Đặng Quang T phạm tội “Trốn thuế”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 161; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Đặng Quang T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đặng Quang T cho UBND phường ĐT, thành phố V giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; Giao bị cáo Lê Thị Thu H cho UBND phường CD, Quận NTL, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Truy thu số tiền 271.750.000đ Công ty Cổ phần đầu tư và tư vấn Nky trốn thuế để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Buộc Đặng Quang T và Lê Thị Thu H phải liên đới bồi hoàn số tiền 271.750.000đ cho Công ty Cổ phần đầu tư và tư vấn Nky để sung quỹ Nhà nước. Kỷ phần bị cáo Đặng Quang T 135.875.000đ, bị cáo Lê Thị Thu H 135.875.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bị cáo Đặng Quang T, Lê Thị Thu H không thi hành nộp số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Thị Thu H và Đặng Quang T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân TP V;
- Công an TP V;
- Chi cục thi hành án TP V;
- Thi hành án Hình sự;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Mạnh